

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 18-9-2024

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
sở hữu tài sản trên đất, bồi thường
thiệt hại về tài sản và di dời tài sản
trên đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Thắng

Ông Hà Văn Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và di dời tài sản trên đất”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS, ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS, ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Khu H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Bé Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thanh T, sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Khu H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1994, có mặt.
 3. Anh Vi Xuân V, sinh năm 1999, có mặt.
 4. Anh Vi Văn T, sinh ngày 10/02/2008, có mặt.
 5. Bà Lương Thị L, sinh năm 1932, vắng mặt.
 6. Bà Bé Thị Th, sinh năm 1979, có mặt.
 7. Ông Bé Hồng Th (Bé Văn Th1), sinh năm 1956, có mặt.
 8. Ông Bé Văn Th2 (Bé Văn P), sinh năm 1964, có mặt.
- Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;

9. Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền bà Lộc Thị H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số 2352/QĐ-UBND, ngày 14/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn M trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 2010 vợ chồng ông Hoàng Văn M được ông Bé Hồng Th tức Bé Văn Th1 (chú rể) và bà Hoàng Thị H (cô ruột) cùng trú tại Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tặng cho một thửa đất có diện tích 58.355m², tại đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích này đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Bé Hồng Th tức Bé Văn Th1 và bà Hoàng Thị H từ năm 1994, thuộc lô 378 có diện tích 58ha. Sau khi được cô chú tặng cho đất vợ chồng ông Hoàng Văn M đã tiến hành trồng thông phía trên đỉnh đồi ngay trong năm 2010, còn phía dưới chân lô chưa trồng gì. Năm 2016 gia đình ông Hoàng Văn M thực hiện các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 464, tờ bản đồ số 07 với diện tích 58.355m². Hằng năm ông Hoàng Văn M vẫn đi chăm sóc cây thông, phần bên dưới những cây thông của gia đình ông Hoàng Văn M là đất rừng tự nhiên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Hoàng Văn M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/4/2020 ông Hoàng Văn M phát hiện bà Bé Thị T đã tự ý phát phần đất rừng tự nhiên dưới phần đất trồng thông của ông Hoàng Văn M diện tích là 0,3ha. Sau khi xảy ra tranh chấp với bà Bé Thị T, ông Hoàng Văn M đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng bà Bé Thị T nhiều lần vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông Hoàng Văn M đã làm đơn khởi kiện tới Tòa án nhân dân huyện Đình Lập và đã được Tòa án thụ lý tuy nhiên thời điểm đó phía gia đình bà Bé Thị T không có biểu hiện tranh chấp với gia đình ông Hoàng Văn M nữa nên ông Hoàng Văn M đã rút đơn khởi kiện.

Ngày 18/6/2021 gia đình ông Hoàng Văn M thuê người phát cây cỏ, bụi rậm diện tích khoảng 0,4 ha tiếp giáp với diện tích 0,3ha đất bà Bé Thị T tranh chấp trước đó để trồng cây hồi, đến tháng 8/2021 gia đình ông Hoàng Văn M đi trồng thông ở phía trên diện tích ông Hoàng Văn M mới phát thì phát hiện bà Bé Thị T đã tự ý trồng một số cây lát vào phần đất mà ông Hoàng Văn M phát để trồng hồi. Ngày 12/9/2021 ông Hoàng Văn M trồng 300 cây hồi trên diện tích 0,4ha đất ông Hoàng Văn M phát ngày 18/6/2021. Ngày 26/9/2021 ông Hoàng Văn M đến kiểm tra thấy cây hồi vẫn còn sống, đến ngày 13/11/2021 vợ chồng ông Hoàng Văn M vào kiểm tra thì phát hiện đa số cây hồi đã bị nhổ, chỉ còn một số cây hồi và cây lát của bà Bé Thị T trồng, ông Hoàng Văn M đã yêu cầu Trưởng thôn lập biên bản, yêu cầu bà Bé Thị T di dời những cây lát đã trồng đi nơi khác trong thời hạn 15 ngày, tuy nhiên bà Bé Thị T không thực hiện nên ông Hoàng Văn M đã nhổ 5-6 cây lát của bà Bé Thị T.

Đến ngày 07/5/2023 ông Hoàng Văn M đi kiểm tra rừng thì phát hiện bà Bé Thị T đã tiếp tục phát dọn và trồng thông khoảng 250 cây vào diện tích đất 0,3ha và 50 cây thông trồng ở phần diện tích đất ông Hoàng Văn M phát đã trồng cây hồi là 0,4ha.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Đất tranh chấp có diện tích 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp khe suối; Phía Đông Nam; Tây Nam; Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Văn M đang quản lý, sử dụng. Về diện tích, vị trí đỉnh thửa, các cạnh tiếp giáp được thể hiện cụ thể như sau: Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.1, diện tích 3.944m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B4, B5, B1, A14. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.2, diện tích 5.443m², có vị trí đỉnh thửa A13, B9, B8, A7, A8, A9, A10, A11, A12. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.3, diện tích 328m², có vị trí đỉnh thửa B6, B7, A5, A6. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.4, diện tích 934m², có vị trí đỉnh thửa A14, B1, B5, B4, A4, A5, B7, B6, A6, A7, B8, B9, A13, hiện trạng là đường dân sinh. Ông Hoàng Văn M yêu cầu được quản lý sử dụng đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

Về tài sản trên đất: Trên phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa tạm số 464.1 có các loại tài sản sau: 280 cây thông đều có đường kính gốc dưới 5cm, do bà Bé Thị T trồng năm 2023. 01 cây vả đường kính gốc 12cm; 01 cây Bồ hòn đường kính gốc 10cm; 01 cây cây trầu đường kính gốc 23cm; 01 cây nội đường kính gốc 25cm; 02 cây sấu đường kính gốc lần lượt 10cm, 12cm; 03 cây sau sau đường kính gốc lần lượt 40cm, 42cm, 25cm và 34 cây cây gỗ tạp; 01 gốc cây gậy đường kính gốc 40cm; 02 gốc cây sau sau bị chặt đường kính 50cm và 55cm; 01 gốc cây bị chặt không xác định cây gì đường kính gốc 55cm, những cây này đều do mọc tự nhiên. Trên phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa tạm số 464.2 có các loại tài sản sau: Cây hồi do bà Bé Thị T trồng năm 2022 có 95 cây, trong đó có 91 cây có đường kính gốc dưới 2cm; 4 cây có đường kính gốc từ 2cm đến 5cm; 343 cây thông có đường kính gốc dưới 5cm; 02 cây lát đường kính gốc dưới 5cm do bà Bé Thị T trồng. 01 cây sấu đường kính gốc 16cm; 01

cây thông đường kính gốc 20cm đến 30cm; 01 cây vả đường kính gốc 12cm; 03 cây trầu, 01 cây có đường kính gốc trên 10cm đến 20cm, 01 cây có đường kính gốc trên 20cm đến 30cm, 01 cây có đường kính gốc trên 30cm; 16 cây sau sau; 68 cây gõ tạp; 01 gốc cây sau sau bị chặt đường kính gốc 63cm; 02 gốc cây bị chặt không xác định được cây gì, đường kính gốc lần lượt 25cm và 30cm, là những cây mọc tự nhiên. Trên phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa tạm số 464.3 không có tài sản gì. Trên phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa tạm số 464.4, hiện trạng là đường dân sinh, không có tài sản gì. Ông Hoàng Văn M yêu cầu được sở hữu những cây mọc tự nhiên và yêu cầu bà Bé Thị T di dời những cây đã trồng trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại do 300 cây hồi bị nhổ với số tiền 15.000.000 đồng. Đối với cây thông to ông Hoàng Văn M xác định là cây do ông Hoàng Văn M trồng năm 2010 nhưng không yêu cầu giám định tuổi cây nếu Tòa án trung cầu giám định ông không nộp tiền tạm ứng.

Bị đơn bà Bé Thị T trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là đất của mẹ đẻ bà Bé Thị T là bà Lương Thị L khai phá từ năm 1982 để làm nương rẫy, sau này bà Lương Thị L cho bà Bé Thị T nhưng không có giấy tờ gì. Năm 1999 bà Bé Thị T trồng 200 cây hồi và trồng thông, số lượng thông trồng bao nhiêu bà không nhớ, do không có thời gian chăm sóc nên cây tỉ lệ sống thấp chỉ sống khoảng 20 cây hồi và 3 cây thông trong đó có 01 cây ở vị trí đất tranh chấp, 02 cây ở ngoài vị trí tranh chấp. Kể từ khi trồng cây xuống bà cũng chỉ đi chăm sóc được một lần do không có thời gian, đến năm 2020 bà phát hiện ông Hoàng Văn M thuê người phát hết 20 cây hồi bà đã trồng, hiện nay trên đất tranh chấp vẫn còn 01 cây thông bà trồng từ năm 1999, bà không yêu cầu giám định tuổi cây, trường hợp Tòa án trung cầu giám định bà không đồng ý nộp tiền tạm ứng. Khi xảy ra tranh chấp bà không báo chính quyền địa phương giải quyết, đất ông Hoàng Văn M mua với ông Bé Hồng Th tức Bé Văn Th1 là ở bên trên, không phải vị trí hiện nay đang tranh chấp. Sau khi ông Hoàng Văn M phát dọn thì bà trồng 200 cây hồi và 20 cây lát, ông Hoàng Văn M nhổ hết chỉ còn một hàng hồi và 02 cây lát sau đó ông Hoàng Văn M lại trồng hồi vào đất của bà, khi bà vào kiểm tra thì thấy bò và dê đã ăn và nhổ cả cây của ông Hoàng Văn M lên, ông Hoàng Văn M cho rằng bà nhổ cây là không đúng, bà không được nhổ cây hồi của ông Hoàng Văn M. Sau khi ông Hoàng Văn M phát dọn thì tháng 12/2023 bà trồng 400 cây thông ở phía bên dưới, còn phía bên trên bà đã trồng 1000 cây thông từ năm 2020. Đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà không biết đi kê khai để cấp giấy chứng nhận. Ông Hoàng Văn M khởi kiện yêu cầu bà Bé Thị T trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp 10.649m², yêu cầu di dời toàn bộ số cây bà đã trồng trên đất và yêu cầu bà bồi thường 300 cây hồi với giá 15.000.000 đồng bà không đồng ý.

Bà phản tố đối với nguyên đơn, yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp có diện tích 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu được sở hữu cây tự nhiên và cây do bà Bé Thị T trồng trên đất.

Ý kiến của bà Nông Thanh T: Nhất trí với ý kiến của chồng là Hoàng Văn M đã trình bày không có ý kiến bổ sung, không yêu cầu độc lập.

Ý kiến của anh Vi Văn Đ: Nhất trí với ý kiến của mẹ là bà Bé Thị T đã trình bày không có ý kiến bổ sung, không yêu cầu độc lập.

Ý kiến của anh Vi Xuân V: Nhất trí với ý kiến của mẹ là bà Bé Thị T đã trình bày không có ý kiến bổ sung, không yêu cầu độc lập.

Ý kiến của anh Vi Văn T: Nhất trí với ý kiến của mẹ là bà Bé Thị T đã trình bày không có ý kiến bổ sung, không yêu cầu độc lập.

Bà Lương Thị L trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp do bà Lương Thị L khai phá không nhớ được chính xác từ thời điểm nào, mục đích khai phá để làm nương rẫy, trồng ngô. Sau đó do không có sức khỏe nữa và không có người làm nên bà cho con gái là Bé Thị T làm. Sau đó con gái đã trồng cây hồi trên đất nhưng do không chăm sóc được nên tỉ lệ sống không cao. Sau khi cho đất con gái thì bà không nắm được quá trình quản lý sử dụng đất như thế nào. Đối với thửa đất này bà chưa được cấp giấy tờ gì, tuy nhiên thời điểm khoảng năm 2002, 2003 ông Bé Hồng Th được cấp nhiều đất nhưng gia đình bà Lương Thị L không được cấp ít đất nào nên ông Bé Hồng Th cắt cho con gái bà là Bé Thị T phần đất ở chân lô, con gái bà đã trồng cây thông nhưng sau đó cháy hết chỉ còn sót lại vài cây. Việc đứng bà tên trong Sổ mục kê thửa đất số 150, gia đình bà có được quản lý sử dụng đất nhưng không biết chính xác diện tích quản lý sử dụng là bao nhiêu và có đúng vị trí tranh chấp hay không. Gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất giáp ranh với ông Hoàng Văn M, đất được cấp Giấy chứng nhận đứng tên con gái bà Lương Thị L là Bé Thị Th. Quá trình ông Hoàng Văn M kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà chưa được ký giáp ranh với ông Hoàng Văn M, chữ ký trong biên bản xác định ranh giới bà không biết là do ai ký, bà không yêu cầu phải giám định chữ ký.

Bà Bé Thị Th trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp do mẹ bà khai phá để làm nương rẫy, trồng ngô. Sau đó do không có sức khỏe nữa và gia đình không có người làm nên mẹ bà cho chị gái bà là Bé Thị T làm. Bà Bé Thị T đã trồng cây hồi trên đất nhưng do không chăm sóc được nên tỉ lệ sống không cao. Đối với thửa đất này gia đình bà chưa được cấp giấy tờ gì, thời điểm khoảng năm 2002, 2003 gia đình ông Bé Hồng Th được cấp nhiều đất nhưng gia đình bà không được cấp ít đất nào nên ông Bé Hồng Th cắt cho chị gái bà là Bé Thị T phần đất ở chân lô, chị gái bà đã trồng cây thông nhưng sau đó cháy hết chỉ còn sót lại vài cây. Mẹ bà đứng tên trong Sổ mục kê thửa đất số 150, gia đình có được quản lý sử dụng đất nhưng không biết chính xác diện tích quản lý sử dụng là bao nhiêu và không biết có đúng vị trí tranh chấp hay không. Gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất giáp ranh với ông Hoàng Văn M đứng tên bà là người sử dụng đất. Quá trình ông Hoàng Văn M kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà chưa được ký giáp ranh với ông Hoàng Văn M, chữ ký của mẹ bà trong biên bản xác định ranh giới bà không biết là do ai ký, bà không yêu cầu phải giám định chữ ký.

Ông Bé Hồng Th (Bé Văn Th1) trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong sổ xanh của ông Bé Hồng Th (Bé Văn Th1) được cấp năm 1994, có tổng diện tích là 34ha. Ông đã trồng cây thông ở phía bên trên, còn phần diện

tích hiện nay đang tranh chấp do khi đó không có điều kiện nên ông không trồng được cây xuống nhưng vẫn quản lý sử dụng những cây tự nhiên. Đến năm 2010 ông cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T một phần diện tích, cụ thể bao nhiêu thì ông không nắm được nhưng ông xác định chính là phần diện tích hiện nay đang tranh chấp, khi cho đất không lập văn bản giấy tờ gì. Sau đó ông Hoàng Văn M trồng cây trên đất một phần diện tích đất, phần còn lại là rừng tự nhiên ông Hoàng Văn M quản lý và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông được cho đất bà Lương Thị L phần diện tích cho tiếp giáp với đất ông Hoàng Văn M, không phải cho ở vị trí đất tranh chấp hiện nay. Đất này ông đã cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T, nên không còn liên quan đến đất tranh chấp, ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bà Bé Thị T tranh chấp với ông Hoàng Văn M là không đúng.

Ông Bé Văn Th2 (Bé Văn P) trình bày: Ông với ông Bé Hồng Th có quan hệ là anh em ruột, bà Bé Thị T là con của em trai ruột của bố ông, bà Lương Thị L là thím ruột của ông, với ông Hoàng Văn M có quen biết do anh trai ông là Bé Văn Th1 lấy cô ruột của Hoàng Văn M. Giữa ông và những người này không có mâu thuẫn gì. Hiện nay ông là Trưởng thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong sổ xanh của anh trai ông là Bé Văn Th1 được cấp năm 1994, có tổng diện tích là 34ha. Đến năm 2010 anh trai ông cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T một phần diện tích đất, phần diện tích ông Bé Hồng Th cho ông Hoàng Văn M giáp ranh với lô đất số 379 mà ông đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1994. Khi khoanh vẽ sơ đồ xác định lô đất 379 của ông có vượt qua khe nhưng thực tế ông quản lý sử dụng theo khe, không lấn vượt khe như sơ đồ giao đất. Đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn M với bà Bé Thị T là đất ông Bé Hồng Th, năm 2010 ông Bé Hồng Th cho ông Hoàng Văn M quản lý, sử dụng, từ đó ông Hoàng Văn M quản lý, sử dụng liên tục, do là rừng tự nhiên nên tại vị trí tranh chấp ông Hoàng Văn M không trồng gì, từ năm 2010 đến năm 2020 ông Hoàng Văn M quản lý, sử dụng không thấy có ai tranh chấp. Đất tranh chấp sau khi chồng ghép có diện tích 573m² thuộc lô số 379 của ông nhưng thực tế ông không quản lý, sử dụng phần diện tích này, từ trước năm 2010 phần diện tích này do ông Bé Hồng Th quản lý, sử dụng, từ năm 2010 đến nay do ông Hoàng Văn M quản lý, sử dụng. Ông không tranh chấp phần diện tích này, vì vậy đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án và cam đoan khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết có liên quan đến vụ án.

Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập cung cấp thông tin về đất tranh chấp xác định: Thửa đất số 464 tờ bản đồ số 07 Bản đồ địa chính xã Bính Xá tỷ lệ 1:10.000 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BV 629555, số vào sổ cấp GCN: CH - 00985, do UBND huyện cấp ngày 27/9/2016, cấp cho hộ ông Hoàng Văn M, bà Nông Thanh T diện tích 58.355,0

m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (Thửa đất được đo đạc chỉnh lý từ thửa đất số 150, tờ bản đồ số 07, đứng tên trên Sổ mục kê đất lâm nghiệp xã Bính Xá là hộ bà Lương Thị L, diện tích 109.319,0 m², chưa được cấp Giấy chứng nhận). Sau khi đối chiếu bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; thửa đất số 464 tờ bản đồ số 07 Bản đồ địa chính xã Bính Xá tỷ lệ 1:10.000 được quy hoạch là đất rừng sản xuất, thửa đất không nằm trong quy hoạch thuộc diện phải thu hồi đất. Về hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, đối chiếu hồ sơ địa chính tại vị trí thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 Bản đồ địa chính xã Bính Xá với bản đồ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 của xã Bính Xá, thửa đất thuộc lô đất số 378, tiểu khu 54, diện tích được giao là 34,0 ha, có tên trong danh sách thống kê các hộ nhận đất lâm nghiệp năm 1994 (thôn Pò Mát nay là thôn Quyết Tiến, xã Bính Xá, huyện Đình Lập) là Bé Văn Th1.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đình Lập cung cấp thông tin xác định: Chưa có văn bản quy định cụ thể về việc di chuyển các loại cây trồng trên đất đi nơi khác trồng, cho nên không tính được tỷ lệ sống của các loại cây sau khi di chuyển, không tính được chi phí di chuyển cho các loại cây.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Đình Lập xác định: Năm 1994 thửa đất này thuộc một phần lô đất số 378, bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994, lô đất 378 được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ gia đình ông Bé Văn Th1, hồ sơ đăng ký số 378, ngày 28/3/1994, diện tích giao 34ha theo Quyết định số 48, ngày 26/3/1994. Đến năm 2008 sau khi đo vẽ bản đồ thửa đất 464 thuộc một phần diện tích thửa đất số 150 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bính Xá, đứng tên bà Lương Thị L trong Sổ mục kê kèm theo bản đồ. Đến ngày 27/9/2016 thửa đất số 464 được đo đạc chỉnh lý, tách từ thửa đất số 150 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T. Quá trình kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nguồn gốc do người dân tự kê khai xác định nguồn gốc là tự khai phá là do chưa được cấp Giấy chứng nhận lần đầu, nhưng thực tế đất này đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Bé Văn Th1 (Bé Hồng Th) từ năm 1994. Khi ông Hoàng Văn M kê khai có sự đồng ý của ông Bé Văn Th1 và có sự đồng ý của người đứng tên trong sổ mục kê năm 2008 là bà Lương Thị L. Như vậy là đủ điều kiện để đo đạc chỉnh lý để tách một phần diện tích từ thửa đất số 150 thành thửa đất số 464 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T. Thời điểm đo vẽ bản đồ năm 2008 do chưa xác định rõ các chủ sử dụng đất nên đã khoanh vẽ gộp vào thửa đất 150 đứng tên bà Lương Thị L trong Sổ mục kê, nhưng thực tế còn chủ sử dụng đất khác cũng có một phần diện tích trong tổng diện tích 109.319m² của thửa đất số 150, thực tế bà Lương Thị L chỉ quản lý một phần diện tích trong thửa đất số 150, tờ bản đồ số 7, không phải quản lý toàn bộ diện tích.

Kết quả chồng ghép bản đồ xác định đất tranh chấp thuộc một phần lô đất số 378, bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994, lô đất 378 được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ gia đình ông Bé Văn Th1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, hợp pháp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166; Điều 227, 229; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 158, 164, 221 và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào các Điều 4, 12, 26, 95, 100, 135, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1,4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn M về tranh chấp quyền sử dụng đất như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn M, buộc bà Bé Thị T và các thành viên trong hộ gia đình phải trả lại cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T diện tích đất 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Hoàng Văn M được sở hữu toàn bộ cây tự nhiên mọc trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn M yêu cầu bà Bé Thị T bồi thường thiệt hại 300 cây hồi đã nhỏ với giá trị 15.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn M đòi di dời tài sản bà Bé Thị T trồng trên đất, giao cho ông Hoàng Văn M sở hữu toàn bộ số cây bà Bé Thị T đã trồng trên đất và có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây cho bà Bé Thị T theo giá Hội đồng định giá đã quyết định.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M không phải chịu chi phí đo đạc đất tranh chấp, bà Bé Thị T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc đất tranh chấp. Đối với chi

phí cho Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản, do yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu di dời tài sản của ông Hoàng Văn M không được chấp nhận và yêu cầu phản tố của bà Bé Thị T không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M và bà Bé Thị T cùng phải chịu. Ông Hoàng Văn M đã nộp tạm ứng để chi trước nên bà Bé Thị T phải nộp để trả cho ông Hoàng Văn M.

Về án phí buộc bà Bé Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Ông Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà Bé Thị T và phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án khi thụ lý và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản, sở hữu tài sản và di dời tài sản trên đất. Tài sản tranh chấp là bất động sản tại Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập theo quy định tại khoản 2, 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lương Thị L vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Nguyên đơn ông Hoàng Văn M yêu cầu bà Bé Thị T trả lại diện tích đất 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu được sở hữu tài sản trên đất; yêu cầu bà Bé Thị T phải bồi thường thiệt hại do 300 cây hồi mới trồng bị nhổ với số tiền 15.000.000 đồng và yêu cầu bà Bé Thị T di dời tài sản trên đất. Bà Bé Thị T phản tố yêu cầu được quản lý, sử dụng tích đất 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu tài sản trên đất.

[4] Từ những lời khai của nguyên đơn, bị đơn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả xác minh và kết quả cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, xác định nguồn gốc đất tranh chấp từ năm 1994 thửa đất này thuộc một phần lô đất số 378, bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994, lô đất 378 được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ gia đình ông Bé Văn Th1, hồ sơ đăng ký số 378, ngày 28/3/1994, diện tích giao 34ha theo Quyết định số 48, ngày 26/3/1994. Đến năm 2008 sau khi đo vẽ bản đồ, đất tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa đất số 150 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bính Xá, đứng tên bà Lương Thị L trong Sổ mục kê kèm theo bản đồ nhưng thực tế bà Lương Thị L không quản lý, sử dụng. Năm 2010 vợ chồng ông Hoàng Văn M được ông Bé Hồng Th và bà Hoàng Thị H cho quản lý, sử dụng diện tích 58.355m², vợ chồng ông Hoàng Văn M đã tiến hành trồng thông phía trên đỉnh

đồi từ năm 2010, còn phía dưới chân lô chưa trồng gì. Hằng năm ông Hoàng Văn M vẫn đi chăm sóc cây thông, phần bên dưới là cây rừng tự nhiên ông Hoàng Văn M vẫn quản lý, sử dụng. Năm 2016 gia đình ông Hoàng Văn M thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 27/9/2016 được đo đạc chỉnh lý, tách một phần diện tích từ thửa đất số 150 thành thửa đất số 464 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T đối với thửa đất 464, tờ bản đồ số 07 của xã Bính Xá, diện tích được cấp là 58.355m². Tháng 4 năm 2020 bà Bé Thị T đã phát phần đất rừng tự nhiên diện tích là 0,3ha thì xảy ra tranh chấp. Tháng 6 năm 2021 ông Hoàng Văn M phát cây cỏ, bụi rậm diện tích khoảng 0,4 ha tiếp giáp với diện tích 0,3ha đất bà Bé Thị T tranh chấp trước đó, đến tháng 8/2021 bà Bé Thị T đã trồng một số cây lát vào phần đất mà ông Hoàng Văn M phát. Tháng 9 năm 2021 ông Hoàng Văn M trồng 300 cây hồi trên diện tích 0,4ha đất ông Hoàng Văn M phát, đến ngày 13/11/2021 vợ chồng ông Hoàng Văn M phát hiện đa số cây hồi đã bị nhỏ, chỉ còn một số cây hồi và cây lát của bà Bé Thị T trồng. Đến tháng 5 năm 2023 bà Bé Thị T đã tiếp tục phát dọn và trồng thông vào diện tích đất tranh chấp.

[5] Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy việc hộ ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 464 tờ bản đồ số 07 Bản đồ địa chính xã Bính Xá số phát hành BV 629555, số vào sổ cấp GCN: CH - 00985, do UBND huyện cấp ngày 27/9/2016 diện tích được cấp 58.355,0m², thửa đất được đo đạc chỉnh lý từ thửa đất số 150, tờ bản đồ số 07, đứng tên trên sổ mục kê đất lâm nghiệp xã Bính Xá là hộ bà Lương Thị L. Khi ông Hoàng Văn M kê khai có sự đồng ý của ông Bé Văn Th1 và bà Lương Thị L, đồng thời qua lấy ý kiến của nhân dân xác định thời điểm ông Hoàng Văn M kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất không có tranh chấp, ông Hoàng Văn M đang sử dụng ổn định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đình Lập cung cấp thông tin tại biên bản xác minh thì trường hợp này đủ điều kiện để đo đạc chỉnh lý để tách một phần diện tích từ thửa đất số 150 thành thửa đất số 464 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T. Bà Bé Thị T khai có trồng cây hồi và cây thông trên đất từ năm 1999 hiện nay còn có 01 cây thông trên đất nhưng không đồng ý giám định tuổi cây chưa có quá trình quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp, ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T đã được ông Bé Hồng Th cho kế thừa quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 2010 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 27/9/2016, đến tháng 4 năm 2020 bà Bé Thị T mới tự ý phát lấn chiếm đất rừng tự nhiên, từ đó bắt đầu phát sinh tranh chấp.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M và yêu cầu phản tố của bà Bé Thị T thấy rằng: Ông Hoàng Văn M yêu cầu bà Bé Thị T trả lại đất tranh chấp 10.649m², bà Bé Thị T phản tố yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể từng phần diện tích như sau: Ký

hiệu thửa tạm 464.1, diện tích 3.944m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B4, B5, B1, A14. Ký hiệu thửa tạm 464.2, diện tích 5.443m², có vị trí đỉnh thửa A13, B9, B8, A7, A8, A9, A10, A11, A12. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.3, diện tích 328m², có vị trí đỉnh thửa B6, B7, A5, A6. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.4, diện tích 934m², có vị trí đỉnh thửa A14, B1, B5, B4, A4, A5, B7, B6, A6, A7, B8, B9, A13. Thấy rằng việc ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T đã được ông Bé Văn Th1 cho kế thừa quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 2010 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 27/9/2016, đến ngày 11/4/2020 bà Bé Thị T mới tự ý phát lần chiếm đất rừng tự nhiên, từ đó bắt đầu phát sinh tranh chấp, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M về tranh chấp quyền sử dụng đất, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bé Thị T. Buộc bà Bé Thị T và các thành viên trong hộ gia đình phải trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T. Do được quyền quản lý, sử dụng đất nên Hoàng Văn M được sở hữu toàn bộ cây tự nhiên mọc trên đất.

[7] Đối với yêu cầu di dời tài sản trên đất ông Hoàng Văn M yêu cầu bà Bé Thị T di dời 623 cây thông đều có đường kính dưới 5cm; 91 cây hồi đường kính dưới 2cm; 04 cây hồi đường kính gốc từ 2cm đến 5cm; 02 cây lát đường kính gốc dưới 5cm do bà Bé Thị T trồng trên đất là không có căn cứ, việc di dời những cây đi nơi khác không xác định được tỷ lệ sống và chi phí di dời, bản thân ông Hoàng Văn M cũng từng trồng cây hồi tại vị trí đất tranh chấp và trồng cây thông tại vị trí liền kề đất tranh chấp. Nên không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn M về di dời tài sản trên đất. Cần buộc ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T phải nhận sở hữu các loại cây bà Bé Thị T đã trồng trên đất và có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây cho bà Bé Thị T theo giá mà Hội đồng định giá đã quyết định. Cụ thể: Ông Hoàng Văn M được sở hữu tài sản trên đất tranh chấp gồm 623 cây thông đều có đường kính dưới 5cm; 91 cây hồi đường kính dưới 2cm; 04 cây hồi đường kính gốc từ 2cm đến 5cm; 02 cây lát đường kính gốc dưới 5cm và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bé Thị T tổng số tiền 21.753.000 đồng.

[8] Đối với yêu cầu của ông Hoàng Văn M đòi bồi thường thiệt hại do 300 cây hồi bị nhỏ, thấy rằng không có căn cứ xác định 300 cây hồi ông Hoàng Văn M trồng năm 2021 là do bà Bé Thị T nhỏ nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Hoàng Văn M.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết 20.000.000 đồng trong đó chi phí đo đạc đất tranh chấp hết 17.500.000 đồng; chi cho Hội đồng xem xét thẩm định hết 2.500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M không phải chịu chi phí đo đạc đất tranh chấp, bà Bé Thị T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc đất tranh chấp là 17.500.000 đồng. Đối với chi phí cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, do yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu di dời tài sản của ông Hoàng Văn M không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M và bà Bé Thị T mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng. Ông Hoàng Văn M đã nộp

tạm ứng để chi trước nên bà Bé Thị T phải nộp 18.750.000 đồng để trả cho ông Hoàng Văn M.

[10] Về án phí ông Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 21.753.000 đồng phải thanh toán cho bà Bé Thị T, với số tiền án phí là 1.086.750 đồng và phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 15.000.000 đồng yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, với số tiền án phí phải chịu 750.000 đồng, tổng cộng ông Hoàng Văn M phải chịu 1.836.750 đồng án phí để sung ngân sách Nhà nước. Ông Hoàng Văn M đã nộp số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0002773, ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, sau khi trừ số tiền tạm ứng đã nộp ông Hoàng Văn M còn phải nộp tiếp số tiền 1.461.750 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí để sung ngân sách Nhà nước, bị đơn bà Bé Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166; Điều 227, 229; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, 164, 221 và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 4, 12, 26, 95, 100, 135, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của ông Hoàng Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất của ông Hoàng Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố tranh chấp quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của bà Bé Thị T.

1. Buộc bà Bé Thị T và các thành viên trong hộ gia đình gồm an Vi Văn Đ, Vi Xuân V, Vi Văn T trả lại cho ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T diện

tích đất tranh chấp 10.649m², thuộc một phần thửa đất số 464, tờ bản đồ số 07 tại địa danh đồi K, Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể từng phần diện tích như sau: Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.1, diện tích 3.944m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B4, B5, B1, A14. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.2, diện tích 5.443m², có vị trí đỉnh thửa A13, B9, B8, A7, A8, A9, A10, A11, A12. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.3, diện tích 328m², có vị trí đỉnh thửa B6, B7, A5, A6. Diện tích đất tranh chấp có ký hiệu thửa tạm 464.4, diện tích 934m², có vị trí đỉnh thửa A14, B1, B5, B4, A4, A5, B7, B6, A6, A7, B8, B9, A13, từng phần diện tích đất được thể hiện trên bản trích đo khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

2. Buộc ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T phải nhận và sở hữu 623 cây thông đều có đường kính gốc dưới 5cm; 91 cây hồi đường kính gốc dưới 2cm; 04 cây hồi đường kính gốc từ 2cm đến 5cm; 02 cây lát đường kính gốc dưới 5cm do bà Bé Thị T trồng trên đất. Ông Hoàng Văn M và bà Nông Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bé Thị T và các thành viên trong hộ gia đình số tiền 21.753.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất được mô tả trên mảnh trích đo khu đất tranh chấp ngày 23/5/2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân xã Bình Xá xác nhận ngày 03/6/2024.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Bé Thị T phải chịu 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để trả cho ông Hoàng Văn M.

Buộc ông Hoàng Văn M chịu 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận ông Hoàng Văn M đã nộp toàn bộ tạm ứng để chi trước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Buộc ông Hoàng Văn M phải chịu 1.836.750 (một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước. Ông Hoàng Văn M đã nộp số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0002773, ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, sau khi trừ số tiền tạm ứng đã nộp ông Hoàng Văn M còn phải nộp tiếp số tiền 1.461.750 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Bé Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung